

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tông

Ông Trương Văn Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2025 ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị H - Sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

CCCD số: 038301006602.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

CCCD số: 038087000531.

Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Y, tỉnh Thanh Hoá ngày 24/6/2020. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2024. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Gia đình hai

bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn nên chị Vi Thị H đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Vi Ánh K, sinh ngày 04/5/2020 và Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2023. Hiện cả hai cháu đều đang ở với anh L và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn chị H đề nghị anh L trực tiếp nuôi cả hai cháu K và K1. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng

Về tài sản và công nợ: Chị Vi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Vi Thị H còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Vi Ánh K và Nguyễn Trung K1; Căn cước công dân của chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L (bản sao có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú của vợ chồng; Đơn đề nghị không tiến hành hoà giải đối thoại; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 13/6/2025 và Đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Tại Bản tự khai ngày 06/8/2025*, bị đơn là anh Nguyễn Văn L thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị H đã trình bày trình bày. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Vi Thị Hoài. Về con chung, anh L công nhận số con chung của vợ chồng như chị H đã trình bày. Anh chấp nhận yêu cầu của chị H về trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, anh L đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu: Nguyễn Vi Ánh K và Nguyễn Trung K1; chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai, anh L còn nộp cho Tòa án Đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Tại phiên tòa:* Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã Y, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N cũ (nay là xã Y), tỉnh Thanh Hóa ngày 24/6/2020 nên hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2024. Nguyên nhân do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh L đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị H và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là cháu Nguyễn Vi Ánh K, sinh ngày 04/5/2020 và Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2023. Chị H, anh L đều yêu cầu giao cho anh L trực tiếp nuôi cả hai cháu K và K1, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị H trùng khớp với nguyện vọng của anh L. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H và anh L là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Vi Thị H là nguyên đơn, phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, nhân dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của anh và chị H là các cháu:

- Nguyễn Vi Ánh K, sinh ngày 04/5/2020;
- Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2023.

Chị Vi Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn L mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (tổng cộng tiền án phí chị H phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005627 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh cũ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9) tỉnh Thanh Hóa; chị H nộp còn thiếu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;
- UBND xã Y;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Huy